UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 380/STC-QLNS
Về việc báo cáo nhu cầu kinh phí tiền lương, phụ cấp năm 2014 và xây dựng kế hoạch ngân sách năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 9 tháng 7 năm 2014

Kính gửi: - Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh Hưng Yên
- UBND các huyện, thành phố

Căn cứ Thông tư số 84/2014/TT-BTC ngày 27/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Thực hiện công văn số 1066/UBND-TH ngày 25/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Để có cơ sở và số liệu báo cáo Bộ Tài chính, Sở Tài chính yêu cầu các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố báo cáo tổng hợp nhu cầu kinh phí tiền lương, phụ cấp năm 2014 để làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách năm 2015.

Nguyên tắc tổng hợp số liệu báo cáo: Số biên chế có mặt; hệ số lương, phụ cấp theo bảng lương thực chi trả cho đơn vị tháng 7/2014 tại đơn vị.

Biểu mẫu báo cáo theo Phụ lục 01 đến Phụ lục số 05 trước ngày 15/7/2014, gửi Sở Tài chính *(Phòng QLNS tỉnh)*.

(Ghi chú: - Đối với các Sở, ngành sử dụng biểu mẫu 1a; có trách nhiệm tổng hợp số liệu của ngành; đồng thời gửi kèm báo cáo của đơn vị trực thuộc.

- Các huyện, thành phố sử dụng mẫu 1b.

- Các đơn vị không phát sinh các khoản phụ cấp như: phụ cấp thâm niên giáo viên, phụ cấp ưu đãi y tế thì chỉ báo cáo theo biểu 1,3 và 5).

Các cơ quan, đơn vị khai thác mẫu biểu tại cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính là ***http://sotaichinh.hungyen.gov.vn, mục "ngân sách nhà nước", phần "văn bản liên quan của tỉnh".***

Vậy, Sở Tài chính đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện nghiêm túc thời hạn báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Phòng KH-TC các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH HƯNG YÊN

Lê Xuân Tiến

Đơn vị.....

Biểu 1a

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG, CÁC KHOẢN PHỤ CẤP 2014

(Kèm theo công văn số: 380/STC-QLNS ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính Hưng Yên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được UBND tỉnh giao năm 2014	Tổng số người hưởng lương có mặt đến 01/7/2014	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 7/2014 tính theo mức lương tối thiểu 1.150.000đ													Nhu cầu KP thực hiện năm 2014 theo mức lương 1,150,000đ
				Tổng tiền lương và các khoản phụ cấp	Chia ra											Các khoản đóng góp	
					Tiền lương theo ngạch bậc	Tổng các khoản phụ cấp	Tiền PC										
							Trong đó										
							PC chức vụ	Thâm niên VK	PC thâm niên nghề(trừ PC thâm niên nghề giáo)	PC thâm niên nghề giáo	PC ưu đãi ngành(trừ NĐ 56)	PC ưu đãi ngành y tế theo NĐ 56	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp đảng, đoàn thể	Phụ cấp khác		
A	*B*	*1*	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=(3*12)+(5*12)*
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Đơn vị A					0											
2	Đơn vị B																
3	Đơn vị C					0											

Ghi chú: Cột
5=6+7+8+9+10+11+12+13+14

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

UBND huyện, thành phố

Biểu 1b

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG, CÁC KHOẢN PHỤ CẤP 2014

(Kèm theo công văn số: 380/STC-QLNS ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính Hưng Yên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được UBND tỉnh giao năm 2014	Tổng số người hưởng lương có mặt đến 01/7/2014	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 7/2014 tính theo mức lương tối thiểu 1.150.000đ													Nhu cầu KP thực hiện năm 2014 theo mức lương 1,150,000đ
				Tổng tiền lương và các khoản phụ cấp	Chia ra											Các khoản đóng góp	
					Tiền lương theo ngạch bậc	Tổng các khoản phụ cấp	Tiền PC										
							Trong đó										
							PC chức vụ	Thâm niên VK	PC thâm niên nghề(trừ PC thâm niên nghề giáo)	PC thâm niên nghề giáo	PC ưu đãi ngành(trừ NĐ 56)	PC ưu đãi ngành y tế theo NĐ 56	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp đảng, đoàn thể	Phụ cấp khác		
A	*B*	*1*	*2*	*3=4+5*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=(3*12)+(5*12)*
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	**SN kinh tế**					0											
2	**SN giáo dục và đào tạo**	0	0	0	0	0	0									0	0
3	**SN văn hóa, thể thao**					0											
4	**SN Y tế**																
5	**SN phát thanh- truyền hình**																
6	**Đảm bảo xã hội**																
7	**Quản lý hành chính**																
	- Quản lý nhà nước																
	- Đảng																
	- Đoàn thể																
	- Cán bộ chuyên trách, công chức xã																

Ghi chú: Cột
5=6+7+8+9+10+11+12+13+14

UBND huyện, thành phố
(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị .....

Biểu: 2

TỔNG HỢP CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ Y TẾ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2014

(Kèm theo công văn số: 380/STC-QLNS ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính Hưng Yên)

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2014	Biên chế có mặt đến thời điểm 01/07/2014	Biên chế được hưởng phụ cấp ưu đãi	Tổng hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp CV, KV, thâm niên vượt khung tháng 7/2014			Chênh lệch hệ số phụ cấp ưu đãi					Chênh lệch phụ cấp ưu đãi tăng thêm năm 2014
					Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Tổng Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ (QĐ 276)	Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ (QĐ 276) bình quân	Tổng Hệ số phụ cấp ưu đãi NĐ 56	Hệ số phụ cấp ưu đãi NĐ 56	Chênh lệch hệ số phụ cấp ưu đãi 1 tháng	
		1	2	3	4=5+6	5,0	6,0	7=cột 4 x tỷ lệ phụ cấp ưu đãi cũ	8=cột7/cột3	9= cột 4 x tỷ lệ phụ cấp ưu đãi theo NĐ 56	10= cột 9/ cột 3	11=9-7	12=cột 11 x12 tháng
	Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**		**0,0**	**0**
A	**Tuyến tỉnh**	**0**	**0**	**0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**		**0,0**		**0,0**	**0**
1	BVĐK tỉnh				0,0							0,0	0
2	BVĐK Phố Nối				0,0							0,0	0
3	BV Sản Nhi				0,0							0,0	0
4	BV Lao & Phổi				0,0							0,0	0
5	BV Mắt				0,0							0,0	0
6	BV Y học Cổ truyền				0,0							0,0	0
7	BV Tâm thần kinh				0,0							0,0	0
8	TTYT Dự phòng				0,0							0,0	0

TT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2014	Biên chế có mặt đến thời điểm 01/07/2014	Biên chế được hưởng phụ cấp ưu đãi	Tổng hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp CV, KV, thâm niên vượt khung tháng 7/2014			Chênh lệch hệ số phụ cấp ưu đãi					Chênh lệch phụ cấp ưu đãi tăng thêm năm 2014
					Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Tổng Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ (QĐ 276)	Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ (QĐ 276) bình quân	Tổng Hệ số phụ cấp ưu đãi NĐ 56	Hệ số phụ cấp ưu đãi NĐ 56	Chênh lệch hệ số phụ cấp ưu đãi 1 tháng	
9	TT Chăm sóc SKSS				0,0							0,0	0
10	TT Kiểm nghiệm				0,0							0,0	0
11	TT Truyền Thông GDSK				0,0							0,0	0
12	TT phòng chống HIV/AIDS				0,0							0,0	0
13	TT GĐYK				0,0							0,0	0
15	VP Chi cục Dân Số				0,0							0,0	0
16	Sở Lao động TB và XH				0,0							0,0	0
B	**Tuyến huyện**	**0**	**0**	**0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**		0,0		**0,0**	**0,0**
1	TP HY				0,0								0
2	TTYT Tiên Lữ				0,0							0,0	0
3	TTYT Phù Cừ				0,0							0,0	0
4	TTYT Ân Thi				0,0							0,0	0
5	TTYT Kim Động				0,0							0,0	0
6	TTYT Yên Mỹ				0,0							0,0	0
7	TTYT Mỹ Hào				0,0							0,0	0
8	TTYT Khoái Châu				0,0							0,0	0
9	TTYT Văn Giang				0,0							0,0	0

TT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2014	Biên chế có mặt đến thời điểm 01/07/2014	Biên chế được hưởng phụ cấp ưu đãi	Tổng hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp CV, KV, thâm niên vượt khung tháng 7/2014			Chênh lệch hệ số phụ cấp ưu đãi					Chênh lệch phụ cấp ưu đãi tăng thêm năm 2014
					Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hệ số phụ cấp chức vụ, vượt khung	Tổng Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ (QĐ 276)	Hệ số phụ cấp ưu đãi cũ (QĐ 276) bình quân	Tổng Hệ số phụ cấp ưu đãi NĐ 56	Hệ số phụ cấp ưu đãi NĐ 56	Chênh lệch hệ số phụ cấp ưu đãi 1 tháng	
10	TTYT Văn Lâm				0,0							0,0	0
11	TTDS thành phố				0,0							0,0	0
12	TTDS Tiên Lữ				0,0							0,0	0
13	TTDS Phù Cừ				0,0							0,0	0
14	TTDS Ân Thi				0,0							0,0	0
15	TTDS Kim Động				0,0							0,0	0
16	TTDS Yên Mỹ				0,0							0,0	0
17	TTDS Mỹ Hào				0,0							0,0	0
18	TTDS Khoái Châu				0,0							0,0	0
19	TTDS Văn Giang				0,0							0,0	0
20	TTDS Văn Lâm				0,0							0,0	0

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị.....

Biểu 3

BÁO CÁO NHU CẦU THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP CÔNG VỤ NĂM 2014

(Kèm theo công văn số: 380/STC-QLNS ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính tỉnh)

Số TT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2014	Biên chế có mặt thời điểm 01/07/2014 được hưởng phụ cấp công vụ	Tổng quỹ lương, phụ cấp tháng 7/2014 theo mức lương tối thiểu 1150000						Nhu cầu kinh phí phụ cấp Công vụ (theo lương 1.150) năm 2014
				Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp (1)	*Trong đó*		25% Phụ cấp công vụ theo NĐ 34/2012	
							Phụ cấp chức vụ trách nhiệm	Phụ cấp thâm niên và VK		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=8*12
	Tổng cộng									
I	**Khối tỉnh**									
	SỞ, ngành.....									
	Đơn vị A									
	Đơn vị B									
	.....									
II	**Khối huyện**									
	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a	Cấp tỉnh + Huyện			0		0				0
	- Quản lý nhà nước			0		0				
	- Đảng			0		0				
	- Đoàn thể, tổ chức chính trị			0		0				
b	Cán bộ chuyên trách, công chức xã			0		0				0

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị .....

Biểu 4

BÁO CÁO NHU CẦU THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÂM NIÊN GIÁO VIÊN NĂM 2014

(Kèm theo công văn số: 380/STC-QLNS ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính tỉnh)

Đơn vị: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế có mặt đến thời điểm 01/7/2014	Tổng số đối tượng được hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch, bậc bình quân	Hệ số phụ cấp chức vụ bình quân	Phụ cấp thâm niên vượt khung bình quân quy theo hệ số	Tỷ lệ (%) phụ cấp thâm niên bình quân	Mức lương tối thiểu chung (1150000)	Tiền phụ cấp thâm niên 01 tháng	Các khoản trích nộp 01 tháng theo quy định (BHXH, BHYT)	Kinh phí thực hiện phụ cấp thâm niên của năm 2014 theo lương 1150
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6= 7+8+9*	*7,00*	*8,00*	*9,00*	*10,00*	*11*	*12= 5x6x10x11*	*13,00*	*14 = (12+13)x 12 tháng*
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-	1.150.000			
A	**KHỐI TỈNH**	-	-	-	-	-	-	-	-	1.150.000	0	0	0
01	Trường THPT Văn Lâm				0,000					1.150.000	0	0	0
02	Trường THPT Trưng Vương				0,000					1.150.000	0	0	0
03	Trường THPT Mỹ Hào				0,000					1.150.000	0	0	0
04	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật				0,000					1.150.000	0	0	0
05	Trường THPT Yên Mỹ				0,000					1.150.000	0	0	0
06	Trường THPT Triệu Quang Phục				0,000					1.150.000	0	0	0
07	Trường THPT Minh Châu				0,000					1.150.000	0	0	0
08	Trường THPT Văn Giang				0,000					1.150.000	0	0	0
09	Trường THPT Dương Quảng Hàm				0,000					1.150.000	0	0	0
10	Trường THPT Khoái Châu				0,000					1.150.000	0	0	0
11	Trường THPT Nam Khoái Châu				0,000					1.150.000	0	0	0
12	Trường THPT Trần Quang Khải				0,000					1.150.000	0	0	0
13	Trường THPT Nguyễn Siêu				0,000					1.150.000	0	0	0
14	Trường THPT Kim Động				0,000					1.150.000	0	0	0
15	Trường THPT Đức Hợp				0,000					1.150.000	0	0	0

Số TT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế có mặt đến thời điểm 01/7/2014	Tổng số đối tượng được hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch, bậc bình quân	Hệ số phụ cấp chức vụ bình quân	Phụ cấp thâm niên vượt khung bình quân quy theo hệ số	Tỷ lệ (%) phụ cấp thâm niên bình quân	Mức lương tối thiểu chung (1150000)	Tiền phụ cấp thâm niên 01 tháng	Các khoản trích nộp 01 tháng theo quy định (BHXH, BHYT)	Kinh phí thực hiện phụ cấp thâm niên của năm 2014 theo lương 1150
16	Trường THPT Nghĩa Dân				0,000					1.150.000	0	0	0
17	Trường THPT Ân Thi				0,000					1.150.000	0	0	0
18	Trường THPT Nguyễn Trung Ngạn				0,000					1.150.000	0	0	0
19	Trường THPT Phạm Ngũ Lão				0,000					1.150.000	0	0	0
20	Trường THPT Phù Cừ				0,000					1.150.000	0	0	0
21	Trường THPT Nam Phù Cừ				0,000					1.150.000	0	0	0
22	Trường THPT Tiên Lữ				0,000					1.150.000	0	0	0
23	Trường THPT Trần Hưng Đạo				0,000					1.150.000	0	0	0
24	Trường THPT Hoàng Hoa Thám				0,000					1.150.000	0	0	0
25	Trường THPT Hưng Yên				0,000					1.150.000	0	0	0
26	Trường THPT chuyên Hưng Yên				0,000					1.150.000	0	0	0
27	*TT KTTH HN DN Ân Thi*				0,000					1.150.000	0	0	0
28	*TT KTTH HN DN Tiên Lữ*				0,000					1.150.000	0	0	0
29	*TT KTTH HN DN Khoái Châu*				0,000					1.150.000	0	0	0
30	*TT KTTH HN DN Mỹ Hào*				0,000					1.150.000	0	0	0
31	*TT KTTH HN DN TP Hưng Yên*				0,000					1.150.000	0	0	0
32	Trường Mnon 19-5 tỉnh				0,000					1.150.000	0	0	0
33	Ttâm GDTX tỉnh HY				0,000					1.150.000	0	0	0
34	Ttâm GDTX Phố nối				0,000					1.150.000	0	0	0
35	Trường cao đẳng y tế				0,00					1.150.000	0	0	0
36	Trường TC nghề				0,00					1.150.000	0	0	0
37	Trường Cao đẳng sư phạm				0,00					1.150.000	0	0	0
38	Trường Cao đẳng KT KT Tô Hiệu				0,00					1.150.000	0	0	0
B	**KHỐI HUYỆN**	-	-	-	**0,00**	**0,000**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	1.150.000	**0**	**0**	**0**

Số TT	Chỉ tiêu	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế có mặt đến thời điểm 01/7/2014	Tổng số đối tượng được hưởng phụ cấp thâm niên	Tổng số	Hệ số lương ngạch, bậc bình quân	Hệ số phụ cấp chức vụ bình quân	Phụ cấp thâm niên vượt khung bình quân quy theo hệ số	Tỷ lệ (%) phụ cấp thâm niên bình quân	Mức lương tối thiểu chung (1150000)	Tiền phụ cấp thâm niên 01 tháng	Các khoản trích nộp 01 tháng theo quy định (BHXH, BHYT)	Kinh phí thực hiện phụ cấp thâm niên của năm 2014 theo lương 1150
39	TP. Hưng Yên				-					1.150.000	0	0	0
40	Huyện Tiên Lữ				-					1.150.000	0	0	0
41	Huyện Phừ Cừ				-					1.150.000	0	0	0
42	Huyện Ân Thi				-					1.150.000	0	0	0
43	Huyện Kim động				-					1.150.000	0	0	0
44	Huyện Khoái châu				-					1.150.000	0	0	0
45	Huyện Yên Mỹ				-					1.150.000	0	0	0
46	Huyện Mỹ Hào				-					1.150.000	0	0	0
47	Huyện Văn Lâm				-					1.150.000	0	0	0
48	Huyện Văn Giang				-					1.150.000	0	0	0

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị.....

Biểu số: 5

KINH PHÍ THỰC HIỆN 30% PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ CT-XH, CBCCB THEO HƯỚNG DẪN SỐ 05-HD/BTCTW

(Kèm theo công văn số: 380/STC-QLNS ngày 9 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao 2014	Biên chế có mặt đến 1/7/2014	Tổng số người được hưởng 30% đến1/7/2014	Hệ số lương hiện hưởng				Số tiền 30% theo mức lương tối thiểu 1,150.000 tháng 7/2014	Tổng số tiền 30% của 12 tháng năm 2014
					Hệ số	Hệ số PCTNVK	Hệ số phụ cấp chức vụ	Tổng hệ số lương		
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7,00*	*9,00*	*10,00*
	I. Khối đảng									***0,00***
1	Văn phòng TU							0,00	0,00	
2	Ban Tổ chức TU							0,00	0,00	
3	Ban Tuyên giáo TU							0,00	0,00	
4	Cơ quan UBKT TU							0,00	0,00	
5	Ban Nội chính Tỉnh Ủy							0,00	0,00	
6	Ban Dân vận TU							0,00	0,00	
	II. Khối đoàn thể									***0,00***
1	Cơ quan UBMTTQ tỉnh							0,00	0,00	
2	Hội LHPN tỉnh							0,00	0,00	
3	Hội Nông dân tỉnh							0,00	0,00	
4	Cơ quan Tỉnh đoàn							0,00	0,00	
5	Ban Bảo vệ SKCB							0,00	0,00	
6	Đảng ủy CCQ							0,00	0,00	
7	Đảng ủy khối Doanh nghiệp							0,00	0,00	
8	Hội CCB tỉnh							0,00	0,00	
	III. Khối huyện, TPhố									***0,00***
1	**Thành phố Hưng Yên**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00		
	Khối Đoàn thể							0,00		
2	**Huyện Khoái Châu**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối Đoàn thể							0,00	0,00	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế được giao 2014	Biên chế có mặt đến 1/7/2014	Tổng số người được hưởng 30% đến1/7/2014	Hệ số lương hiện hưởng				Số tiền 30% theo mức lương tối thiểu 1,150.000 tháng 7/2014	Tổng số tiền 30% của 12 tháng năm 2014
					Hệ số	Hệ số PCTNVK	Hệ số phụ cấp chức vụ	Tổng hệ số lương		
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7,00*	*9,00*	*10,00*
3	**Huyện Kim Động**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối đoàn thể							0,00	0,00	
4	**Huyện Tiên Lữ**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối đoàn thể							0,00	0,00	
5	**Huyện Phù Cừ**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối đoàn thể							0,00	0,00	
6	**Huyện Mỹ Hào**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối đoàn thể							0,00	0,00	
7	**Huyện Văn Giang**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối đoàn thể							0,00	0,00	
8	**Huyện Yên Mỹ**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối Đoàn thể							0,00	0,00	
9	**Huyện Văn Lâm**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối Đoàn thể							0,00	0,00	
10	**Huyện Ân Thi**			**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Khối Đảng							0,00	0,00	
	Khối Đoàn thể							0,00	0,00	
	Tổng cộng (I+II+III)			***0***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***	***0,00***

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)